

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2024
“V/v Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương
Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 745/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2023 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồng Anh D, Sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc B, Sinh năm 1998 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Đ (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bà Võ Kim T (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Mộng T1, Sinh năm: 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Hồng T2 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Hồng Anh D trình bày: Về hôn nhân anh và chị Trần Ngọc B kết hôn và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 06/3/2017.

Nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh yêu cầu ly hôn với chị B.

Con chung vợ chồng có hai người con chung: Cháu Hồng Phú V, sinh ngày 03/10/2018, cháu Hồng Vân A, sinh ngày 11/4/2020, hiện tại hai cháu đang ở với anh, anh yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Đ, nhưng đã thỏa thuận với chủ nợ xong.

Chị Trần Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân và con và nguyên nhân mâu thuẫn như anh D trình bày là đúng, anh D yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Con chung: Đồng ý giao hai con chung cháu Hồng Phú V, sinh ngày 03/10/2018, cháu Hồng Vân A, sinh ngày 11/4/2020 cho anh D nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị B xác định vợ chồng có nợ của bà Võ Thị T3, bà Nguyễn Hồng T2, bà Nguyễn Mộng T1, nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với các chủ nợ xong.

Do điều kiện đi lại khó khăn, chị B, anh D xin vắng mặt ở các phiên tòa sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ có ý kiến: Ngày 10/01/2022 ông Hồng Anh D và bà Trần Ngọc B đã ký hợp đồng tín dụng số 09/2022/5680141/HDDTD với Ngân hàng để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, đến thời điểm ngày 31/3/2024 tổng dư nợ 114.758.485 đồng, Ngân hàng đề nghị ông D, bà B tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự bà Võ Thị T3, bà Nguyễn Hồng T2, bà Nguyễn Mộng T1 không có văn bản gửi đến Tòa án và có ý kiến xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Hồng Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Duy B1, bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự “*Tranh chấp xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Anh Hồng Anh D, chị Trần Duy B1, bà Võ Thị T3, bà Nguyễn Hồng T2, bà Nguyễn Mộng T1, Ngân hàng TMCP Đ xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Anh Hồng Duy A1 và chị Trần Ngọc B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 06/3/2017, do đó hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn

nhân và gia đình. Anh Duy, chị B xác định thời gian chung sống vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D yêu cầu ly hôn chị B, chị B đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó, anh D và chị B không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, thấy rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Hồng Anh D ly hôn với chị Trần Ngọc B là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Con chung: Anh D và chị B thỏa thuận tiếp tục giao cháu Hồng Phú V, sinh ngày 03/10/2018, cháu Hồng Vân A, sinh ngày 11/4/2020 cho anh Hồng Anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] *Xét về tài sản chung*: Anh Duy, chị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với các chủ nợ bà Võ Thị T3, bà Nguyễn Hồng T2, bà Nguyễn Mộng T1, Ngân hàng TMCP Đ không có yêu cầu độc lập, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Xét về án phí*: Anh Hồng A D là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Chị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số tiền 7.875.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của anh Hồng A D về việc yêu cầu ly hôn với chị Trần Ngọc B.

Con chung: Tiếp tục giao cháu Hồng Phú V, sinh ngày 03/10/2018, cháu Hồng Vân A, sinh ngày 11/4/2020 cho anh Hồng Anh D nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị B không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Hồng Duy A1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh D đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng theo biên lai số 0004034 ngày 09/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Chị Trần Ngọc B được nhận lại tiền tạm ứng án phí lệ phí số tiền 7.875.000 đồng theo biên lai số 0004304 ngày 22/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Len